TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2019/QĐST-DS	*T, ngày 15 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 13/2019 /TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 13/2019/QĐST-DS ngày 23tháng 7 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* : Bà Phạm Thị Tú N, sinh năm 1987; địa chỉ: Nhà số 257, Tổ 8, khu 4, đường Phú Lợi, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Thạch Thị Ngọc O, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 749/B, tổ 1, ấp 4, đường DT 746, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Ngày 26 tháng 6 năm 2019, bà Phạm Thị Tú N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản của ông Phạm Văn Tài, sinh năm 1964 gồm: Một căn nhà cấp 4, gắn liền diện tích đất 303,9m^2 thuộc thửa 1010 (có 30m^2 HLBVĐB) tại tổ 1, ấp 4, xã N, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03972 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12-6-2015 cho ông Phạm Văn T cho các đồng thừa kế. Bà Nhiêu yêu cầu được nhận T sản.

- Ngày 04 tháng 7 năm 2019, bà Phạm Thị Tú N và bà Thạch Thị Ngọc O đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ việc và được ghi nhận tại biên bản hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do vậy, bà Phạm Thị Tú N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T công nhận kết quả hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến tại phiên họp:

- Về tố tụng: Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 04-7-2019 củaTrung tâm hòa giải, đối thoại tạiTòa án nhân dân thị xã T là phù hợp nên đề nghị Chủ toạ phiên họp chấp nhận đơn yêu cầu và công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo Biên bản hòa giải thành ngày 04-7-2019 giữa bà Phạm Thị Tú N và bà Thạch Thị Ngọc O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã T nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Tú N yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 04-7-2019 củaTrung tâm hòa giải, đối thoại tạiTòa án nhân dân thị xã T. Đây là yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Bà N, bà O thống nhất di sản của ông Phạm Văn Tài, sinh năm 1964 gồm: Một căn nhà cấp 4, có kết cấu tường xây tô, máy tôn, nền lát gạch hoa gắn liền diện tích đất 303,9m^2 thuộc thửa 1010 (có 30m^2 HLBVĐB) tại tổ 1, ấp 4, xã N, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03972 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/6/2015 cho ông Phạm Văn Tài có tổng giá trị là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Sự thừa nhận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, tại thời điểm lập Biên bản hòa giải thành ngày 04-7-2019, các đương sự tham gia thỏa thuận có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, những nội dung thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 04-7-2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tạiTòa án nhân dân thị xã T ghi nhận phù hợp. Bà Phạm Thị Tú N có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 04-7-2019.

Tại phiên họp các bên xác định việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 04-7-2019. Do vậy, yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ngày 04-7-2019 của bà Phạn Thị Tú N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 417 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T là phù hợp.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 7 Điều 27, Điều 35, Điều 40, Điều 92, Điều 149, Điều 370, Điều 417vàĐiều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sựvàkhoản 1 Điều 37 Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019, cụ thể như sau:

Về di sản: Bà N, bà O thống nhất di sản của ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 gồm: Một căn nhà cấp 4, có kết cấu tường xây tô, máy tôn, nền lát gạch hoa gắn liền diện tích đất 303,9m^2 thuộc thửa 1010 (có 30m^2 HLBVĐB) tại tổ 1, ấp 4, xã N, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03972 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/6/2015 cho ông Phạm Văn Tài có tổng giá trị là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Bà N, bà O thỏa thuận phân chia di sản như sau:

- Một căn nhà cấp 4, có kết cấu tường xây tô, máy tôn, nền lát gạch hoa gắn liền diện tích đất 303,9m^2 thuộc thửa 1010, tờ bản đồ số 4 (có 30m^2 HLBVĐB) tại tổ 1, ấp 4, xã N, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03972 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/6/2015 cho ông Phạm Văn Tài có tổng giá trị là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Bà N, bà O thỏa thuận phân chia di sản như sau:

- Bà Phạm Thị Tú N được quyền sử dụng diện tích đất 303,9m^2 thuộc thửa 1010 (có 30m^2 HLBVĐB) tại tổ 1, ấp 4, xã N, thị xã T, tỉnh Bình Dương, gắn liền căn nhà cấp 4 có kết cấu tường xây tô, máy tôn, nền lát gạch hoa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03972 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/6/2015 cho ông Phạm Văn Tài.

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày TAND thị xã T ra Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự, bà Thạch Thị Ngọc O phải có trách nhiệm làm các thủ tục sang tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho bà Phạm Thị Tú N.

- Bà Phạm Thị Tú N có trách nhiệm thanh toán lại giá trị phần di sản cho bà Thạch Thị Ngọc O với số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Thời

hạn thanh toán: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày TAND thị xã T ra Quyết định công nhận thỏa thuận công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án.

- Bà Phạm Thị Tú N được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin đăng ký, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03972 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/6/2015 cho ông Phạm Văn Tài để cấp lại cho bà Phạm Thị Tú N.

Nếu hết thời hạn trên mà bà N chậm thanh toán thì bà Phạm Thị Tú N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong.

Điều 2. Bà Phạm Thị Tú N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037019 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TânUyên;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thanh Sơn